

BÁO CÁO

**Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện
dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2025**

Thực hiện Nghị quyết số 201/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 16 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2025; Nghị quyết số 202/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa X, kỳ họp thứ 16 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Quyết định số 2389/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc ban hành những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh năm 2025, cụ thể như sau:

- **Dự toán thu ngân sách nhà nước..... 13.158 tỷ đồng.**
 - + Thu nội địa 11.458 tỷ đồng.
 - + Thu xuất nhập khẩu 1.700 tỷ đồng.
- **Dự toán thu ngân sách địa phương (NSDP) 13.060,7 tỷ đồng.**
 - + Thu cân đối NSDP 12.456,8 tỷ đồng.
 - + Thu NSTW bổ sung các CT mục tiêu, nhiệm vụ:..... 603,9 tỷ đồng.
- **Dự toán chi ngân sách địa phương 13.082,1 tỷ đồng.**
 - + Chi cân đối NSDP: 12.478,2 tỷ đồng.
 - + Chi các CT mục tiêu, nhiệm vụ: 603,9 tỷ đồng.
- **Bội chi ngân sách địa phương..... 21,4 tỷ đồng.**

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán địa phương quý I năm 2025 như sau:

I. VỀ THU NSNN

Ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn 4.151,3 tỷ đồng, đạt 31,5% dự toán, tăng 17% cùng kỳ, gồm:

1. Phân theo nguồn thu

- Thu nội địa 3.621,5 tỷ đồng, đạt 31,6% dự toán, tăng 16,9% cùng kỳ.
- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 529,8 tỷ đồng, đạt 31,2% dự toán, tăng 17,7% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố (Tính riêng thu nội địa)

- Khối Tỉnh: 2.877,9 tỷ đồng, đạt 33% dự toán.
- Khối Huyện: 743,6 tỷ đồng, đạt 27,1% dự toán, trong đó: 06/9 huyện, thị xã, đạt từ 25% so dự toán trở lên.

II. VỀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NSDP)

Ước thực hiện chi ngân sách địa phương: 3.228,2 tỷ đồng, đạt 24,7% dự toán, tăng 20,9% cùng kỳ, trong đó:

1. Phân theo nhiệm vụ chi

- Chi cân đối NSDP: 2.878,6 tỷ đồng, đạt 23,1% dự toán, tăng 31,3% cùng kỳ, trong đó:
 - + Chi đầu tư phát triển: 1.266,3 tỷ đồng, đạt 30,9% dự toán, tăng 32,3% cùng kỳ;
 - + Chi thường xuyên: 1.607 tỷ đồng, đạt 19,8% dự toán, tăng 30,5% cùng kỳ.
- Chi các CTMT, nhiệm vụ: 349,6 tỷ đồng, đạt 57,9% dự toán, giảm 26,9% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố

- Khối Tỉnh: 1.631,8 tỷ đồng, đạt 26,4% dự toán;
- Khối Huyện: 1.596,4 tỷ đồng, đạt 23,2% dự toán.

III. CÂN ĐỐI THU, CHI NSDP

1. Tổng thu NSDP 7.456,7 tỷ đồng.

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết..... 3.382,2 tỷ đồng.
- Thu bổ sung từ NSTW 267,5 tỷ đồng.
- Thu chuyển nguồn..... 3.807,0 tỷ đồng.

2. Tổng chi NSDP..... 3.229,1 tỷ đồng.

- Chi cân đối Ngân sách địa phương 2.878,6 tỷ đồng.
- Chi các CTMT, nhiệm vụ 349,6 tỷ đồng.
- Chi tạm ứng ngân sách 0,9 tỷ đồng.

3. Tồn quỹ NSDP (1-2) 4.227,6 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh..... 2.587,4 tỷ đồng.
- Ngân sách huyện, xã 1.640,2 tỷ đồng.

IV. VỀ TÌNH HÌNH VAY VÀ TRẢ NỢ VAY

Tổng số dư nợ đầu kỳ: 73 tỷ đồng, vay trong kỳ: 0 đồng, trả nợ trong kỳ: 0 đồng, dư nợ cuối kỳ: 73 tỷ đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

1.1. Về thu ngân sách

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các Sở, ban, ngành tỉnh với các huyện, thị xã, thành phố; quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo thu đúng, đủ theo quy định. Tổng thu NSNN trên địa bàn đạt 31,5% so dự toán và tổng thu nội địa đạt 31,6% so dự toán, vượt tiến độ.

Có 07/16 khoản thu nội địa đạt từ 25% trở lên so với dự toán, gồm: Thu từ DNNN đạt 25,8% dự toán, tăng 30,6% cùng kỳ; Thu từ DN có vốn ĐTNN đạt 45,8% dự toán, tăng 36,4% cùng kỳ; Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 35,6% dự toán, tăng 17,5% cùng kỳ; Thuế thu nhập cá nhân đạt 35,2% dự toán, tăng 21,7% cùng kỳ; Thu phí và lệ phí đạt 42,4% dự toán, tăng 31,2% cùng kỳ; Thu khác ngân sách đạt 28,5% dự toán, tăng 16,9% cùng kỳ; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 33,7% dự toán, tăng 3,1% cùng kỳ. Qua kết quả trên cho thấy, nền kinh tế địa phương có dấu hiệu tăng trưởng khả quan, hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ tăng trưởng ổn định; các khoản thu liên quan đến sản xuất kinh doanh đạt khá, vượt tiến độ dự toán.

Có 06/9 huyện, thị xã thu ngân sách đạt trên 25% dự toán, cụ thể: Hòa Thành đạt 30%, Dương Minh Châu đạt 25,3%; Trảng Bàng đạt 37,5%; Bến Cầu đạt 36%; Tân Biên đạt 35,2%, Tân Châu đạt 29,2%.

1.2. Về chi ngân sách

Thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển đạt 35,2% dự toán, tăng 12% cùng kỳ. Trong đó, chi từ nguồn cân đối NSDP đạt 30,9% dự toán, tăng 32,3% cùng kỳ; chi từ nguồn NSTW bổ sung đạt 74,3% dự toán, giảm 29,1% cùng kỳ. Nguyên nhân đạt khá so với dự toán chủ yếu do giải ngân từ nguồn năm 2024 chuyển sang. Các nguồn vốn được phân khai đã tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị, Sở, ngành tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố chủ động tổ chức triển khai thi công các dự án chuyển tiếp, cũng như tổ chức thực hiện các dự án mới.

- Chi thường xuyên đảm bảo các nhu cầu chi theo dự toán; trong đó các nhiệm vụ chi thiết yếu như: đảm bảo an sinh xã hội, y tế, giáo dục đào tạo, quốc phòng, an ninh, chi trả tiền lương và các nhiệm vụ cần thiết khác. Công tác quản lý, điều hành chi ngân sách địa phương đảm bảo theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và trong phạm vi dự

toán ngân sách được giao. Các đơn vị được giao quyền tự chủ về tài chính, sử dụng kinh phí tự chủ đúng quy định. Chủ động tăng cường thực hiện việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và tài sản công theo quy định.

2. Những khó khăn

2.1. Về thu ngân sách

Trong 3 tháng đầu năm 2025, mặc dù nhiều ngành, lĩnh vực tiếp tục có xu hướng phục hồi và có triển vọng tích cực; nhiều chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đã và đang phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn những tồn tại, hạn chế và gặp nhiều khó khăn, thách thức khó lường làm ảnh hưởng đến thu ngân sách nhà nước và thực hiện các quy định về miễn, giảm thuế. Có 9/16 khoản thu nội địa dưới 25% so với dự toán, gồm:

- Lệ phí trước bạ đạt 20% dự toán, giảm 0,5% cùng kỳ. Nguyên nhân là do nhu cầu mua sắm phương tiện (ô tô) và nhu cầu chuyển nhượng, mua sắm bất động sản trong dân không cao; miễn lệ phí trước bạ xe ô tô điện chạy pin 0% đến 28/02/2027 theo Nghị định số 51/2025/NĐ-CP ngày 01/3/2025 của Chính phủ.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 16,3% dự toán, giảm 7% cùng kỳ; Thuế sử dụng đất nông nghiệp đạt 6% dự toán. Nguyên nhân là do các khoản thu về đất nông nghiệp không có địa chỉ cụ thể, chỉ thu nợ cũ; 02 khoản thu này phát sinh chủ yếu vào quý II và quý III của năm;

- Thuế bảo vệ môi trường đạt 13,8% dự toán, tăng 3,4% cùng kỳ. Nguyên nhân là do ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách giảm thuế BVMT theo Nghị quyết số 42/2023/UBTVQH15 ngày 18/12/2023, Nghị quyết số 60/2024/UBTVQH15 ngày 24/12/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Thu tiền sử dụng đất đạt 12,1% dự toán, giảm 7,3% cùng kỳ. Nguyên nhân là do trong 3 tháng đầu năm 2025, cấp tỉnh chưa thực hiện được công tác đấu giá các dự án và nhu cầu mua bán, chuyển nhượng bất động sản trong dân không cao;

- Thu tiền thuê đất đạt 10,1% dự toán, giảm 22% cùng kỳ; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 6,4% dự toán, giảm 75% cùng kỳ. Nguyên nhân là do chưa đến hạn nộp nên số thu còn thấp so với tiến độ;

- Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích,...tại xã đạt 13,5% dự toán, giảm 34% cùng kỳ, đây là nguồn thu không cố định tại các xã/phường, trong 3 tháng đầu năm 2025 chưa phát sinh nhiều tại các địa phương;

- Chưa phát sinh khoản thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế.

Có 3/9 huyện, thành phố thu ngân sách đạt dưới 25% dự toán, cụ thể: Thành phố Tây Ninh đạt 21,5%, Châu Thành đạt 22,6%, Gò Dầu đạt 21,5%.

2.2. Về chi ngân sách

Chỉ thường xuyên, ngoài lĩnh vực đảm bảo xã hội đạt cao so dự toán thì các lĩnh vực còn lại chưa đạt tiến độ dự toán, cụ thể: sự nghiệp kinh tế đạt 9,2% (trong đó: sự nghiệp nông nghiệp 9,2%; sự nghiệp lâm nghiệp 12,8%; sự nghiệp thủy lợi 2,4%; sự nghiệp giao thông 8,2%; sự nghiệp kiến thiết thị chính 13% và sự nghiệp kinh tế khác 9,6%); sự nghiệp môi trường đạt 7,6%; sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề đạt 20,1%; sự nghiệp y tế đạt 14,5%; sự nghiệp văn hóa đạt 22,4%; sự nghiệp phát thanh truyền hình đạt 24,1%; sự nghiệp thể dục thể thao đạt 24,3%; sự nghiệp KH-CN đạt 17,7%; chi quản lý hành chính đạt 21,6%;... Nguyên nhân chủ yếu là do một số nhiệm vụ chi phải triển khai thực hiện theo trình tự thời gian quy định, những tháng đầu năm chi tổ chức triển khai thực hiện, chưa nghiệm thu nên chưa thực hiện thanh toán.

(Kèm biểu mẫu số 59, 60, 61/CK-NSNN)

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CBTH (Đăng Công thông tin điện tử tỉnh TN);
- Sở Tài chính (Đăng Công thông tin điện tử STC);
- LDVP; KT;
- Lưu: VT, VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 189 /BC-UBND ngày 17/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2025	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	13.158.000	7.958.271	60,5%	131,6%
I	Thu cân đối NSNN	13.158.000	4.151.279	31,5%	117,0%
1	Thu nội địa	11.458.000	3.621.508	31,6%	116,9%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.700.000	529.771	31,2%	117,7%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		3.806.992		138,8%
B	TỔNG CHI NSDP	13.082.121	2.768.827	21,2%	110,5%
I	Chi cân đối NSDP	12.478.225	1.949.612	15,6%	126,3%
1	Chi đầu tư phát triển	4.097.760	870.455	21,2%	118,1%
2	Chi thường xuyên	8.126.484	1.073.884	13,2%	134,1%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	900	0		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	0		
5	Dự phòng ngân sách	252.081	5.273	2,1%	199,5%
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	870.543	479.514	55,1%	63,5%
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	21.400	4.143	19,4%	131,9%
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	0	0		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 189 /BC-UBND ngày 17/4/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý I/2025	So sánh (%)	
				Ước TH quý I/ Dự toán	Ước TH quý I/ Cùng kỳ
1	2	3	4	5=4/3	6
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	13.158.000	4.151.279	31,5%	117,0%
I	Thu nội địa	11.458.000	3.621.508	31,6%	116,9%
1	Thu từ Doanh nghiệp nhà nước	364.000	94.067	25,8%	130,6%
1.1	Thu từ DNNN trung ương	290.000	53.161	18,3%	121,9%
1.2	Thu từ DNNN địa phương	74.000	40.906	55,3%	143,9%
2	Thu từ DN có vốn ĐTNN	2.030.000	930.151	45,8%	136,4%
3	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	2.254.000	802.326	35,6%	117,5%
4	Lệ phí trước bạ	400.000	79.976	20,0%	99,5%
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	24.000	3.911	16,3%	93,0%
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	500	30	6,0%	
7	Thuế thu nhập cá nhân	1.200.000	421.818	35,2%	121,7%
8	Thuế bảo vệ môi trường	780.000	107.926	13,8%	103,4%
9	Thu phí, lệ phí	460.000	194.852	42,4%	131,2%
10	Thu tiền sử dụng đất	1.260.000	152.298	12,1%	92,7%
11	Thu tiền thuê đất	210.000	21.287	10,1%	78,0%
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	22.000	1.417	6,4%	25,0%
13	Thu khác ngân sách	256.700	73.060	28,5%	116,9%
14	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích....tại xã	2.800	378	13,5%	66,0%
15	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế	4.000	0	0,0%	
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	2.190.000	738.011	33,7%	103,1%
II	Thu từ dầu thô	0	0		
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	1.700.000	529.771	31,2%	117,7%
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu				
2	Thuế xuất khẩu				
3	Thuế nhập khẩu				
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu				
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu				
6	Thu khác				
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	10.563.500	3.382.220	32,0%	120,3%
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%				

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 189 /BC-UBND ngày 18/4/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh)

S tt	Nội dung	DT 2025	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2025	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				TH/DT	Cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI (A+B)	13.082.121	3.228.244	24,7%	120,9%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	12.478.225	2.878.581	23,1%	131,3%
I	Chi đầu tư phát triển	4.097.760	1.266.256	30,9%	132,3%
I.1	Chi đầu tư cho các dự án	4.097.760	1.221.911	29,8%	138,4%
I.2	<i>Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật</i>	0	44.345		59,4%
II	Chi thường xuyên	8.126.484	1.607.052	19,8%	130,5%
1	Chi sự nghiệp kinh tế	800.999	73.372	9,2%	105,6%
a	Sự nghiệp nông nghiệp	97.626	9.019	9,2%	180,0%
b	Sự nghiệp lâm nghiệp	55.784	7.126	12,8%	142,4%
c	Sự nghiệp thủy lợi	104.165	2.530	2,4%	356,9%
d	Sự nghiệp Giao thông	221.245	18.055	8,2%	58,9%
e	Sự nghiệp Kiến thiết thị chính	166.529	21.726	13,0%	93,5%
f	Sự nghiệp Kinh tế khác	155.650	14.916	9,6%	306,1%
2	Sự nghiệp môi trường	139.178	10.631	7,6%	116,6%
3	Chi SN Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.552.297	713.719	20,1%	130,6%
a	Sự nghiệp Giáo dục	3.299.400	667.396	20,2%	130,0%
b	Sự nghiệp Đào tạo và dạy nghề	252.897	46.323	18,3%	139,8%
4	Chi sự nghiệp Y tế	750.186	108.496	14,5%	144,2%
5	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	128.397	28.813	22,4%	122,9%
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	92.169	22.181	24,1%	334,1%
7	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	43.567	10.573	24,3%	170,8%
8	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	39.105	6.905	17,7%	212,2%
9	Chi đảm bảo xã hội	541.209	210.952	39,0%	132,2%
10	Chi quản lý hành chính	1.557.558	337.063	21,6%	135,3%
a	Quản lý nhà nước	1.021.572	196.993	19,3%	139,4%
b	Dảng	303.294	86.964	28,7%	134,4%
c	MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội	176.413	40.265	22,8%	124,2%
d	Hội quần chúng	56.279	12.841	22,8%	121,4%
11	Chi An ninh quốc phòng	423.961	82.587	19,5%	102,2%
a	An ninh	174.257	30.848	17,7%	101,7%
b	Quốc phòng	249.704	51.739	20,7%	102,5%

S tt	Nội dung	DT 2025	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2025	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				TH/DT	Cùng kỳ
A	B	1	2	3=2/1	4
12	Chi khác ngân sách	57.858	1.760	3,0%	72,3%
III	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.000	0	0,0%	
IV	Dự phòng ngân sách	252.081	5.273	2,1%	199,5%
V	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	0	0		
VI	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương	900	0	0,0%	0,0%
VII	Chi trả nợ gốc	0	0		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ	603.896	349.663	57,9%	73,1%
B.1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	145.479	29.883	20,5%	109,7%
B.2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	458.417	319.780	69,8%	70,9%
I	Chi đầu tư phát triển	330.757	309.016	93,4%	69,5%
II	Chi thường xuyên	127.660	10.763	8,4%	170,0%

